

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH
Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày 05/9/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Viết Sang

2. Bà Nguyễn Thị Cương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Minh Trang- Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 (số 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cũ), về việc: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/8/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 14/02/1989; Nơi cư trú: Xóm L, xã K, tỉnh Thái Nguyên (Địa chỉ cũ: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên)- có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trương Quang K, sinh ngày 16/5/1966; Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, tỉnh Bắc Ninh (Địa chỉ cũ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang). Hiện nay đang cải tạo tại Đội 3, Trai giam N, Cục C- Bộ C1- có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn (chị Nguyễn Ngọc T) trình bày:

Chị và anh Trương Quang K kết hôn có tình hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Y, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 17/6/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhau, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc hòa thuận. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do vợ chồng có nhiều quan điểm sống bất đồng, anh [K](#) vướng vào tệ nạn xã hội dẫn đến vợ chồng xảy ra tranh cãi nhau, cuộc sống trở lên không hạnh phúc. Hai bên gia đình cũng động viên hòa giải nhưng không thành. Chị [T](#) đã chuyển ra khỏi nhà anh [K](#) về sinh sống cùng bố mẹ đẻ từ tháng 6/2024, sau đó 01 tháng thì anh [K](#) bị bắt tạm giam. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh [K](#), vì vậy chị đã làm đơn xin ly hôn anh [K](#), đề nghị Tòa giải quyết để vợ chồng chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu [Nguyễn T1](#), sinh ngày 18/8/2024, hiện cháu [T1](#) đang ở cùng chị [T](#), vẫn phát triển khỏe mạnh bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu [T1](#).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị [T](#) xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn (anh [Trương Quang K](#)) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh [K](#) và chị [Nguyễn Ngọc T](#) kết hôn có đăng ký tại [Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Bắc Ninh \(thị trấn P, huyện Y, tỉnh B cũ\)](#) năm 2024. Tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến giữa năm 2024 do anh [K](#) sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy nên bị bắt, hiện đang chấp hành án tại [Trại giam N](#). Mấy tháng nay không thấy chị [T](#) đến thăm gặp, tình cảm vợ chồng xa cách. Nay chị [T](#) có yêu cầu ly hôn, anh [K](#) đồng ý ly hôn với chị [T](#).

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu [Nguyễn T1](#), sinh ngày 18/8/2024. Vợ chồng ly hôn, do anh [K](#) đang chấp hành án nên đề nghị giao cho chị [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh [K](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh [K](#) xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Ngọc T](#) được ly hôn anh [Trương Quang K](#);

Về con chung: Giao chị [Nguyễn Ngọc T](#) trực tiếp nuôi 01 con chung là cháu [Nguyễn T1](#), sinh ngày 18/8/2024.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh [Trương Quang K](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [T](#) cho đến khi đương sự có yêu cầu.

Anh [Trương Quang K](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tiền án phí: Chị [Nguyễn Ngọc T](#) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002057 ngày 19/6/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh (Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cũ). Xác nhận chị [T](#) đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị [T](#) làm đơn xin ly hôn anh [K](#), yêu cầu giải quyết nuôi con, về tài sản không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh [Trương Quang K](#) hiện có hộ khẩu thường trú tại [thôn C, xã Y, tỉnh Bắc Ninh](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Bắc Ninh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự: Chị [Nguyễn Ngọc T](#), anh [Trương Quang K](#) đều có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Ngọc T](#) và anh [Trương Quang K](#) kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Y, tỉnh B](#) (nay là [UBND xã Y](#), tỉnh Bắc Ninh). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu của chị [Nguyễn Ngọc T](#) về việc xin ly hôn anh [Trương Quang K](#), Hội đồng xét xử xét thấy: Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Các đương sự đều thừa nhận vợ chồng

mâu thuẫn từ năm 2024 là do bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra cãi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay, tình cảm lạnh nhạt, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Các đương sự đều xác định tình vằm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh K cũng đồng ý, xác định vợ chồng đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân trên thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh K là có căn cứ, cần được chấp nhận. Căn cứ Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh K là phù hợp.

- Về con chung: Chị T, anh K đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn T1, sinh ngày 18/8/2024, hiện nay cháu T1 đang ở cùng chị T, cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị T và anh K đều đề nghị giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, xét là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn T1 là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị, nên không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Quyền thăm con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung, không ai được cản trở

- Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn anh Trương Quang K;

Về con chung: Giao chị Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn T1, sinh ngày 18/8/2024.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh [Trương Quang K](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [T](#) cho đến khi đương sự có yêu cầu.

Anh [Trương Quang K](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tiền án phí: Chị [Nguyễn Ngọc T](#) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002057 ngày 19/6/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh (Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cũ). Xác nhận chị [T](#) đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 3;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Yên Thế;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn